

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

Số: 2720/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kiên Giang, ngày 08 tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ người lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 trên địa bàn huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang (lần 3)



CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 26 tháng 5 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;

Căn cứ Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;

Căn cứ Kế hoạch số 139/KH-UBND ngày 18/7/2021 của UBND tỉnh về việc thực hiện hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 2792/TTr-LĐTBXH ngày 29/10/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách (kèm theo Phụ lục 05 danh sách hỗ trợ người lao động do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội lập tại Tờ trình số 2792/TTr-



LĐTBOXH ngày 29/10/2021) và kinh phí hỗ trợ cho người lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 trên địa bàn huyện Giang Thành (lần 3), cụ thể như sau:

STT	Loại đối tượng	Số lượng	Số tiền/người	Thành tiền
1	Chính sách hỗ trợ người lao động tạm hoãn hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương (chính sách số 4 – mức 1.855.000 đồng/người hoặc 3.710.000 đồng/người). Trong đó:	5		18.550.000
	<i>Tạm hoãn hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương từ 01 tháng trở lên</i>	5	3.710.000	18.550.000
2	Chính sách hỗ trợ bổ sung cho người lao động và trẻ em (chính sách số 7 – mức 1.000.000 đồng/người hoặc trẻ em). Trong đó:	3		3.000.000
	<i>Người lao động đang nuôi con hoặc chăm sóc thay thế trẻ em chưa đủ 06 tuổi</i>	3	1.000.000	3.000.000
	Tổng cộng	8		21.550.000
	Bằng chữ:	Hai mươi một triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng		

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Căn cứ danh sách đối tượng và kinh phí được phê duyệt, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Giang Thành chịu trách nhiệm triển khai hỗ trợ kịp thời cho đối tượng theo thời gian quy định; quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện về các cơ quan chuyên môn theo quy định.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Giang Thành chịu trách nhiệm trước pháp luật và Ủy ban nhân dân tỉnh về đối tượng nhận hỗ trợ trên địa bàn huyện và chỉ đạo lưu trữ hồ sơ theo quy định.

2. Giao trách nhiệm cho Giám đốc các Sở, ngành: Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Kho bạc Nhà nước tỉnh Kiên Giang theo chức năng, nhiệm vụ chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh có liên

quan hướng dẫn địa phương về quy trình thủ tục thực hiện các nội dung có liên quan và thanh toán, quyết toán kinh phí theo đúng quy định; tổ chức giám sát, theo dõi, kiểm tra quá trình thực hiện các nội dung tại Điều 1 của Quyết định này; tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh (thông qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội).

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh Kiên Giang; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Giang Thành và Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành cấp tỉnh và cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./. 42

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- CT và các PCT. UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Chuyên viên nghiên cứu;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, tthuy, "HT".

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Lưu Trung





PHỤ LỤC 05

Danh sách đề nghị hỗ trợ do ảnh hưởng của đại dịch Covid – 19 trên địa bàn huyện Giang Thành

Kèm theo Tờ trình số *172* /TT-Tr-LĐTĐBXH ngày 29 /10/2021 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội)

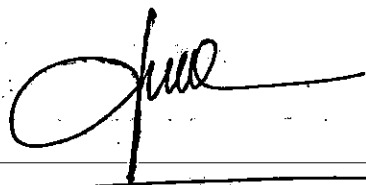
I		DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN DANH TÔN THIỆP VẠN LỘC PHÚC						21.550.000			
1.1		Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương						18.550.000			
Stt	Họ và Tên	Phòng ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không lương (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)	Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú
1	Trần Hoàng Anh	Phòng kinh doanh	Hợp đồng xác định thời hạn	01/01/2021	8914070478	19/07/2021	Từ ngày 19/07/2021 đến ngày 31/08/2021	3.710.000		361857239	Tiền mặt
2	Nguyễn Quốc Thắng	Phòng kinh doanh	Hợp đồng xác định thời hạn	01/01/2021	8916070161	19/07/2021	Từ ngày 19/07/2021 đến ngày 31/08/2021	3.710.000		352278066	Tiền mặt
3	Huỳnh Yến Nhi	Phòng kinh doanh	Hợp đồng xác định thời hạn	01/01/2021	9116010547	19/07/2021	Từ ngày 19/07/2021 đến ngày 31/08/2021	3.710.000		352003647	Tiền mặt
4	Nguyễn Tấn Anh	Phòng kinh doanh	Hợp đồng xác định thời hạn	01/01/2021	9116010537	19/07/2021	Từ ngày 19/07/2021 đến ngày 31/08/2021	3.710.000		370795798	Tiền mặt
5	Võ Minh Vương	Phòng kinh doanh	Hợp đồng xác định thời hạn	01/01/2021	7410197124	19/07/2021	Từ ngày 19/07/2021 đến ngày 31/08/2021	3.710.000		215029003	Tiền mặt

1.2	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương và đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em						3.000.000				
Stt	Họ và Tên	Thứ tự tại mục 1.1	Thông tin về con và vợ hoặc chồng				Số tiền hỗ trợ	Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú
			Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2	Số CMT/ thẻ CCCD của vợ hoặc chồng					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
1	Trần Hoàng Anh	1	Trần Hoàng Phúc	27/12/2015	Võ Thị Mỹ Dung	352158621	1.000.000		361857239	Tiền mặt	
2	Nguyễn Tấn Anh	4	Nguyễn Tấn Tài	17/05/2019	Nguyễn Thị Diệu Hiền	091182000571	1.000.000		370795798	Tiền mặt	
3	Võ Minh Vương	5	Võ Minh Quân	26/11/2017	Nguyễn Thị Ái Hậu	211877073	1.000.000		215029003	Tiền mặt	
8	Tổng cộng:						21.550.000				


Tổng cộng: Số trường hợp được hỗ trợ: 08; Số tiền hỗ trợ: 21.550.000 đồng; Bằng chữ: Hai mươi một triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng.

Kiên Giang, ngày 29 tháng 10 năm 2021
SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
GIÁM ĐỐC

NGƯỜI LẬP BIỂU



Phạm Văn Tùng

Đặng Hồng Sơn